

DÂN SỐ, NGUỒN LAO ĐỘNG VÀ MỘT VÀI GIẢI PHÁP TẠO VIỆC LÀM TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

PTS NGUYỄN QUỐC TẾ
(Phòng Quản lý khoa học ĐHK.T. TP.HCM)



Dân số là một trong những điều kiện cơ bản của đời sống vật chất xã hội và luôn luôn là đối tượng chú ý của các nhà khoa học, các nhà hoạt động nhà nước.

Dân số tham gia vào quá trình sản xuất xã hội vừa là người sản xuất vừa là người tiêu dùng. Tính hai mặt của sự phụ thuộc đã hình thành nên sự phức tạp có lúc mâu thuẫn của mối quan hệ dân số và kinh tế.

Với tư cách là người tiêu thụ sản phẩm: Dân số đòi hỏi nền kinh tế của một đất nước đáp ứng nhu cầu về lượng thực phẩm, nhu cầu về văn hóa xã hội và hàng loạt nhu cầu về dịch vụ khác.

Với phương diện là chủ thể của quá trình sản xuất, là yếu tố cơ bản của quá trình lao động, dân số là cơ sở hình thành nguồn lao động, là lực lượng sản xuất quan trọng nhất làm sống lại tài nguyên thiên nhiên, tạo ra của cải vật chất, làm giàu cho xã hội.

Trong điều kiện hiện nay ở nước ta, biết điều khiển một cách có ý thức sự vận động của dân số sẽ có tác động tích cực đến một số các cần đổi cần thiết phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội.

1) DÂN SỐ Ở NƯỚC TA: KHUYNH HƯỚNG VÀ TRIỂN VỌNG

Đầu năm 1990, dân số cả nước là 66,156 triệu người, mật độ dân số: 199

người/Km². Nhìn lại kết quả điều tra dân số năm 1989 và cả những năm trước đó, chúng ta có tỉ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,2 đến 2,4%. Kết quả này gây cho chúng ta sự ngạc nhiên là các chỉ tiêu về phát triển số dân ở các thời kỳ kế hoạch 1,7% năm là không đạt được.

Về thực trạng dân số, có thể đánh giá qua các thời kỳ:

- Trước năm 1945: Xã hội nước ta là thuộc địa nửa phong kiến với nền nông nghiệp truyền thống và đặc trưng của dân số là: Hệ số sinh và số chết đều cao, do vậy hệ số tăng tự nhiên dao động từ 1,33 đến 1,37% dân số (1)

- Thời kỳ 1954-1974: Đây có thể coi là thời kỳ quá độ dân số. Mặc dù đất nước có chiến tranh, song dân số được đặc trưng ở hệ số chết giảm và hệ số sinh cũng tăng từ 4,2-4,6% (2)

- Từ năm 1975, sau khi nước nhà thống nhất, đặc trưng chung của cả nước là hệ số sinh tăng nhanh, đó là do ảnh hưởng của quy luật "tăng bù" dân số sau chiến tranh, do sự đoàn tụ gia đình của những thanh niên trong thời gian chiến tranh đã động viên phục vụ chiến trường.

Đặc trưng chung của thời kỳ này là hệ số sinh tăng cao: 1975: 3,81%, 1976: 3,74%. Hệ số chết giảm thấp từ 1,4% xuống 1,25% đến 1,3%. Do vậy hệ số tăng tự nhiên dân số đạt từ 2,6% - 2,7%

Trong những năm gần đây theo số liệu của ESCAP (Economic and Social Commission for Asia and the Pacific) thì dân số nước ta có mức tăng tự nhiên dao động từ 2,18% (1988) và 2,23% (1989). Điều đó có nghĩa là số dân hàng năm tăng lên từ 1,3 - 1,5 triệu người.

Từ thực trạng dân số, chúng ta có thể đánh giá một cách tổng quát:

- Dân số tăng nhanh đang có ảnh hưởng tiêu cực nhiều hơn tích cực đến nền kinh tế và xã hội.

Quy mô dân số đã vượt quá mức sản xuất xã hội, nên mức bình quân đầu người về các sản phẩm chủ yếu rất thấp so với nhiều nước trên thế giới: Điện 123 Kw, than 59 kg/ng, xi măng: 13 kg, lương thực 324 kg, đặc biệt là đất trồng trọt chỉ có 0,09 ha (bằng 1/4 so với mức bình quân của thế giới) (1)

Ở nhiều thành phố, thị xã, dân số tăng nhanh gây sức ép ghê gớm đối với mọi mặt đời sống xã hội, cơ sở hạ tầng (nhà ở, giao thông, cấp thoát nước, vệ sinh...) nên đã gây ra nhiều hiện tượng tiêu cực xã hội và môi trường sinh thái.

- Dân số tăng nhanh vượt quá khả năng phát triển kinh tế xã hội, làm cho nền kinh tế bị mất cân đối nghiêm trọng.

Trong khoảng thời gian 10 năm (1980-1990), mặc dù thu nhập quốc dân sản xuất tăng bình quân bằng mức trung bình của thế giới, sản lượng lương thực tăng 4% năm, nhưng dân số tăng nhanh (bình quân 2,3% năm), làm cho mức bình quân đầu người tăng chậm: 2,8% năm về thu nhập quốc dân sản xuất và 1,9%/năm về lương thực.

Vì vậy khoảng cách về thu nhập giữa nước ta và các nước ngày càng cách xa (tức là ngày càng nghèo đói hơn).

- Dân số tăng nhanh dẫn đến cơ cấu các nhóm dân số không ổn định đã ảnh hưởng đến các chính sách xã hội.

Theo phân loại của các nhà nhân khẩu học, dân số Việt Nam thuộc loại hình dân tộc trẻ, tỉ lệ trẻ em từ 0-14 tuổi rất cao chiếm 39% (gần 2/5 dân số). Do vậy cứ một người trong độ tuổi lao động với năng suất thấp lại phải nuôi 0,9 người phụ thuộc (Ở các nước dân số ổn định thì 2 người trong độ tuổi lao động có năng suất cao chỉ phải nuôi một người phụ thuộc).

Rõ ràng, dân số với tốc độ tăng nhanh của mọi hoạt động sản xuất xã hội với tốc độ cao thực sự đang là áp lực rất lớn cản trở sự phát triển kinh tế xã hội ở nước ta.

2/ NGUỒN LAO ĐỘNG VÀ MỘT VÀI GIẢI PHÁP TẠO VIỆC LÀM

Dân số cơ sở hình thành nguồn lao động. Do vậy trên quy mô cả nước, tương ứng với tốc độ tăng dân số, dự tính sẽ lên tới 80 triệu người năm 2000, là sự tăng

nhánh số người đến tuổi lao động: 35,6 triệu năm 1990 và 40,7 triệu năm 1995; 46,1 triệu năm 2000 (1)

Như vậy nguồn lao động ở Việt Nam có quy mô lớn và tăng theo nhịp độ cao đã và đang tạo ra sức ép rất lớn từ các nguồn: Lao động đến độ tuổi, thất nghiệp "tích lũy" công dồn, bộ đội xuất ngũ, lao động hợp tác từ nước ngoài về, lao động đòi ra do sắp xếp lại khu vực Quốc doanh...gây nên tình trạng khó khăn đối với vấn đề giải quyết việc làm.

Mặt khác, từ thực trạng của nền kinh tế, chúng ta có thể thấy được các hiện tượng về lao động:

- Từ một nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung với hoạt động chủ yếu của 2 khu vực: Quốc doanh và Hợp tác xã, chuyển sang nền kinh tế thị trường, từ chế độ bao cấp chúng ta chuyển sang cơ chế một giá..., việc xuất hiện và tồn tại cụm 3 vấn đề: yêu cầu tăng trưởng kinh tế, lạm phát và thất nghiệp là điều không tránh khỏi. Vấn đề là ở chỗ điều khiển mối quan hệ giữa chúng sao cho tiệm cận với điểm hợp lý.

- Có việc làm, song năng suất lao động thấp do thời gian làm việc chỉ chiếm tỉ trọng nhỏ trong độ dài ca làm việc. Số người này không góp phần tạo ra sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân gì đáng kể, đã có một thời họ "phấn đấu vào biên chế" để đến bây giờ quá trở nên nhiều so với yêu cầu công việc ở các công sở và XN Quốc doanh.

- Thiếu việc làm ở nông thôn do dân số tăng, nguồn lao động tăng lên tương ứng trên dưới 80%, đã làm cho diện tích đất canh tác tính theo đầu người ngày càng ít đi, cộng vào đó nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa chưa phát triển.

- Khả năng thu hút lao động của các ngành kinh tế quốc dân khác quá yếu, đặc biệt là các ngành công nghiệp do vấn đề đầu tư để tạo việc làm thấp và không hiệu quả.

Sự mất cân bằng giữa yêu cầu phải giải quyết thất nghiệp và khả năng thu hút người lao động đến với công việc đang làm nảy sinh nhiều vấn đề kinh tế, xã hội cũng như cuộc sống của nhiều người. Lao động là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất khi buộc phải tách rời khỏi công cụ lao động đã và đang là trở lực kìm hãm sự phát triển.

Do vậy, trong những năm tới nếu không có những biện pháp đúng đắn, thì số người không có việc làm còn tăng nhiều và nhanh hơn nữa. Đó là gánh nặng nhưng cũng là vốn quý đang bị lãng phí của nền kinh tế "vận động theo cơ chế thị trường" ở nước ta.

Về lâu dài giải pháp giải quyết việc làm cần được tác động ở cả hai yếu tố: Cung ứng và điều phối.

Việc "cung ứng" ở nước ta với tốc độ tăng trưởng dân số xấp xỉ 2%/năm đang là sức ép ghê gớm. Do vậy giảm hệ số tăng tự nhiên dân số chỉ có thể thực hiện được thông qua các giải pháp về chính sách dân số.

Ở bài viết này chúng tôi đề cập một vài giải pháp để tạo việc làm trong điều kiện hiện nay:

- Bằng những hình thức thích hợp, huy động tới mức cao nhất sức lao động xã hội để tạo ra của cải vật chất, đặc biệt đối với những công trình trọng điểm đòi hỏi thời gian hoàn thành ngắn, với số lượng lao động lớn. Ở đây muốn đề cập lao động nghĩa vụ đối với tuổi trẻ. Việc sử dụng hợp lý lao động trên quy mô lớn có tổ chức, có kỷ luật sẽ tạo ra được sản phẩm đáng kể.

Khi nói về ưu thế của lao động hợp tác, Mác đã chỉ rõ: Sự tiếp xúc sinh ra thì đua và thi đua đã tạo ra năng suất lao động cao ngay cả khi công cụ lao động chưa được cải tiến đáng kể.

Vấn đề là ở chỗ hình thức tổ chức, phương thức huy động và chế độ đãi ngộ phù hợp đối với người lao động.

- Chúng ta có lợi thế là tài nguyên thiên khá dồi dào và chưa được khai thác, nguồn nhân lực đông đảo. Hai yếu tố đó là cơ sở để thu hút vốn đầu tư và đến lượt nó, vốn đầu tư sẽ tạo điều kiện để tăng trưởng kinh tế, tạo ra động lực thúc đẩy từ bên trong là mục tiêu quan trọng để phân bố lại dân cư giữa các vùng và giải quyết việc

làm.

- Trong những năm trước mắt "nông nghiệp vẫn là mặt trận hàng đầu", tinh thần đó lại một lần nữa được thể hiện trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VII về cơ cấu ngành kinh tế trong thập niên 90. Do đó sự phát triển kinh tế nông thôn và nông nghiệp để giải quyết việc làm trong thập niên này nói chung sẽ là nhân tố quyết định đối với sự phát triển toàn bộ nền kinh tế của đất nước.

- Cần phải có sự thay đổi tư duy và quan niệm về việc làm, tạo điều kiện cho mọi người lao động trong xã hội ta, dù làm việc trong đơn vị kinh tế thuộc thành phần nào cũng phải được bình đẳng với nhau về nghĩa vụ và quyền lợi trong việc tạo ra sản phẩm có ích cho xã hội nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao và có sản phẩm thặng dư cho sự phát triển của xã hội trong khuôn khổ của luật pháp.

- Chính sách giải quyết việc làm được thực hiện thông qua việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế: từ một cơ cấu lạc hậu, nghiêng về tự cấp tự túc sang cơ cấu tiến bộ hơn, trong đó tỉ trọng các ngành công nghiệp, các ngành tham gia xuất khẩu ngày một tăng, đó là hướng cơ bản để thu hút lao động ở các đô thị.

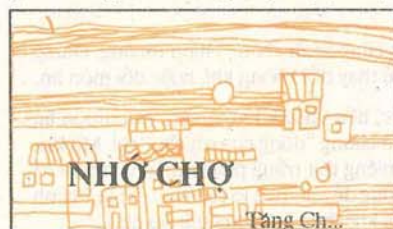
- Việc chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường đang là một thực tế oái oăm đối với người lao động ở nước ta: Trong khi nạn thất nghiệp đang ngày càng nghiêm trọng thì không ít xí nghiệp, công ty lại không thể tìm ra được người họ cần. Hiện nay ở các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, để đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng, cần có khả năng chuyên môn, ngoại ngữ và điện toán... Tất cả những thứ đó không dễ một sớm một chiều mà có được. Vấn đề bức xúc đang đặt ra đối với các cấp quản lý và giáo dục là dạy nghề cho người lao động.

"Lao động là cha, đất là mẹ của mọi của cải xã hội". Từ thời xa xưa Uyliam-Peti (1687), nhà kinh tế học người Anh đã nói lên điều đó. Ở nước ta trong điều kiện chuyển đổi nền kinh tế, cũng đang đặt ra những vấn đề hết sức lớn lao và phức tạp trong lãnh vực dân cư và lao động. Sự tăng trưởng kinh tế của đất nước trong chừng mực nhất định phụ thuộc nhiều vào sự kết hợp chúng với các yếu tố khác của quá trình sản xuất.

NQT.

Tài liệu tham khảo:

- 1) "Xã hội học", Tháng 2/1990, trang 10
- 2) Thông tin "Kinh tế kế hoạch", tháng 2/1991, trang 10
- 3) Báo "Việt Nam đầu tư nước ngoài", 28/10/1991.



*Cơn mưa dầm hồi hã
Chợ chiều trông tênh hênh
Dòng nước đen vật vờ
Khách mua hàng lênh đênh.
Chị bán hàng co rúm
Xám xịt một màu xanh
Giọng rao càng chùng xuống
Vật, người sao lạnh tanh.
Thằng bé con bụng ỏng
Quần ướt sũng nước mưa
Giọng trẻ thơ còn ngọng:
- Mẹ ơi mẹ, về chưa?*

TÔ VĂN BA (91)